

Số: /2026/NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng bệnh số 114/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 262/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân thành phố; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình (Sau đây gọi chung là sở ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phê duyệt, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm thuộc Chương trình trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan; bảo đảm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Việc phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình phải đảm bảo quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ; không trùng lặp với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, nhiệm vụ khác và các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí kinh phí chi thường xuyên hằng năm.

3. Việc phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình cho các sở ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương phải bám sát mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030; kế hoạch hằng năm; tình hình thực tế; khả năng cân đối ngân sách nhà nước; kết quả thực hiện nhiệm vụ, sử dụng và giải ngân ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình của từng sở ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Phân bổ ngân sách nhà nước cho các sở ngành, cơ quan, đơn vị cấp thành phố và hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương để thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của Chương trình; Ưu tiên phân bổ cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo và hỗ trợ các địa phương phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại (đạt tiêu chí quốc gia về y tế).

5. Trường hợp có chia tách, sáp nhập đơn vị hành chính, cơ quan, đơn vị trong giai đoạn 2026 - 2030, việc phân bổ được kế thừa tương ứng theo nhiệm vụ, nội dung, hoạt động, dự án hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền; bảo đảm việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, hoạt động, dự án Chương trình không gián đoạn, không vượt tổng mức vốn đầu tư, vốn sự nghiệp của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Trường hợp sau khi áp dụng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn theo quy định tại Nghị quyết này mà các sở ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương không còn đối tượng, nội dung hoặc nhu cầu hỗ trợ theo quy định của Chương trình thì phần vốn tương ứng được tổng hợp để phân bổ lại cho các sở ngành, đơn vị, địa phương khác có nhu cầu thực hiện, bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn ngân sách nhà nước, không làm thay đổi cơ cấu chi đầu tư, chi thường xuyên của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 4. Tiêu chí phân bổ ngân sách trung ương, ngân sách thành phố cho các sở ngành, cơ quan, đơn vị cấp thành phố

1. Vốn ngân sách trung ương, ngân sách thành phố bố trí cho các sở ngành, cơ quan, đơn vị cấp thành phố để thực hiện Chương trình được xác định căn cứ các tiêu chí sau:

a) Nhiệm vụ của các sở ngành, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện tại quyết định phê duyệt Chương trình hoặc kế hoạch của cấp có thẩm quyền. Nhiệm vụ, dự án đầu tư thực hiện Chương trình phải bảo đảm tuân thủ đúng quy định pháp luật Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và nhu cầu vốn để thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và dự toán ngân sách trung ương hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc bổ sung, điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

c) Nội dung, tính chất và phạm vi nhiệm vụ của từng sở ngành, cơ quan, đơn vị phải phù hợp với chức năng nhiệm vụ, không trùng lặp về nội dung chi và đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho các địa phương, nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án, nhiệm vụ khác và các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí kinh phí chi thường xuyên hằng năm.

d) Kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả giải ngân vốn của sở ngành, đơn vị năm trước liền kề và 6 tháng đầu năm thực hiện.

2. Trên cơ sở các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân thành phố giao cơ quan chuyên môn chủ trì tổng hợp, đề xuất kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn, hằng năm ngân sách trung ương, ngân sách thành phố; phương án phân bổ kế hoạch vốn hằng năm (bao gồm vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) cho các sở ngành, cơ quan, đơn vị để thực hiện Chương trình theo quy định.

Điều 5. Tiêu chí, hệ số phân bổ, phương pháp xác định điểm số phân bổ ngân sách trung ương, ngân sách thành phố cho các địa phương

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ ngân sách trung ương cho các địa phương

a) Ấp, khu vực đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số (H_{dk}): Hệ số 1,0;

b) Xã, phường khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số; xã biên giới; xã đảo: Hệ số 50,0;

c) Xã, phường khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Hệ số 40,0;

d) Xã, phường khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Hệ số 30,0;

đ) Các xã, phường còn lại: Hệ số 25,0.

Trường hợp một xã, phường đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên thì chỉ áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất; không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã, phường.

2. Tiêu chí, hệ số điểm phân bổ ngân sách thành phố cho các địa phương

a) Theo phân nhóm địa bàn (H_{db}), hệ số điểm theo tiêu chí được xác định như sau:

Ấp, khu vực đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số (H_{dk}): Hệ số 1,0;

Xã, phường khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số; xã, phường biên giới; xã, phường đảo: Hệ số 50,0;

Xã, phường khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Hệ số 40,0;

Xã, phường khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Hệ số 30,0;

Các xã, phường còn lại: Hệ số 25.

Trường hợp một xã, phường đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên thì chỉ áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất; không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã, phường.

b) Theo chỉ tiêu tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 05 tuổi (H_{dd}), hệ số điểm theo tiêu chí được xác định như sau:

Trên 15%: Hệ số 15;

Từ 10 đến dưới 15%: Hệ số 10;

Dưới 10%: Hệ số 05.

c) Hệ số ưu tiên cộng thêm (H_{ut}) cho các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại (đạt tiêu chí quốc gia về y tế) được xác định như sau:

Xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030: Hệ số 10.

Xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030: Hệ số 20.

3. Phương pháp xác định điểm số phân bổ

a) Tổng điểm số phân bổ ngân sách trung ương của một xã, phường i (K_{tw-i}) được xác định theo công thức:

$$K_{tw-i} = (1,0 \times H_{dk-i}) + H_{db-i}$$

Trong đó:

K_{tw-i} : Tổng điểm số phân bổ ngân sách trung ương của xã, phường i .

H_{dk-i} : Số lượng áp đặc biệt khó khăn thuộc xã, phường i ;

H_{db-i} : Hệ số phân bổ vốn theo phân nhóm địa bàn của xã, phường i theo điểm b , c , d và đ khoản 1 Điều này.

b) Tổng điểm số phân bổ ngân sách thành phố của một xã, phường i (K_{tp-i}) được xác định theo công thức:

$$K_{tp-i} = (1,0 \times H_{dk-i}) + H_{db-i} + H_{dd-i} + H_{ut-i}$$

Trong đó:

K_{tp-i} : Tổng điểm số phân bổ ngân sách thành phố của xã, phường i .

H_{dk-i} : Số lượng áp đặc biệt khó khăn thuộc xã, phường i ;

H_{db-i} : Hệ số phân bổ vốn theo phân nhóm địa bàn của xã, phường i theo điểm a khoản 2 Điều này.

H_{dd-i} : Hệ số phân bổ vốn theo chỉ tiêu suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 05 tuổi của xã, phường i theo điểm b khoản 2 Điều này.

H_{ut-i} : Hệ số ưu tiên cộng thêm cho các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại (đạt tiêu chí quốc gia về y tế) của xã, phường i theo điểm c khoản 2 Điều này.

c) Tổng điểm số phân bổ ngân sách trung ương hoặc ngân sách thành phố của toàn thành phố được xác định theo công thức:

$$K_{TP} = \sum_{i=1}^n K_i$$

Trong đó:

K_{TP} : Tổng điểm số phân bổ ngân sách trung ương hoặc ngân sách thành phố của toàn thành phố.

K_i : Tổng điểm số phân bổ ngân sách trung ương hoặc ngân sách thành phố của một xã, phường i (được xác định theo điểm a hoặc điểm b khoản này).

n : Tổng số xã, phường trên địa bàn thành phố.

d) Mức vốn ngân sách trung ương hoặc ngân sách thành phố phân bổ cho xã i (V_i) được xác định theo công thức:

$$V_i = K_i \times G$$

Giá trị của một (01) điểm phân bổ vốn ngân sách trung ương hoặc ngân sách thành phố (G) được xác định theo công thức:

$$G = \frac{V_{TP} - V_{SBN}}{K_{TP}}$$

Trong đó:

V_{TP} : Tổng vốn ngân sách trung ương hoặc ngân sách thành phố thực hiện Chương trình của toàn thành phố.

V_{SBN} : Tổng vốn ngân sách trung ương hoặc ngân sách thành phố phân bổ cho các sở ngành, cơ quan, đơn vị cấp thành phố (được xác định theo tiêu chí quy định tại Điều 4 và định mức phân bổ quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết này).

K_{TP} : Tổng điểm số phân bổ ngân sách trung ương hoặc ngân sách thành phố của toàn thành phố.

4. Căn cứ xác định nguồn số liệu

a) Số liệu về chuyên môn y tế: số liệu thống kê, báo cáo về chuyên môn của Sở Y tế và các địa phương, đơn vị từ năm 2025;

b) Số lượng ấp, khu vực đặc biệt khó khăn; xã khu vực I, II, III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi do Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

c) Số lượng xã khu vực biên giới đất liền, xã khu vực biên giới theo Phụ lục I và II quy định tại Nghị định số 299/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định của Chính phủ về biên phòng, biên giới quốc gia;

d) Số lượng xã đảo do Ủy ban nhân dân cấp thành phố công bố, công nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 5 và điểm d khoản 3 Điều 8 Quyết định số 40/2025/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận xã đảo, xã an toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Điều 6. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, ngân sách thành phố

1. Phân bổ vốn ngân sách trung ương, ngân sách thành phố

Căn cứ dự toán, kế hoạch vốn ngân sách trung ương, ngân sách thành phố thực hiện Chương trình được Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng nhân dân thành phố giao; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ quy định tại Nghị quyết này và điều kiện thực tế của các sở ngành, cơ quan, địa phương, Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương và ngân sách thành phố cho các sở ngành, cơ quan, đơn vị cấp thành phố và các địa phương trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định theo quy định; bảo đảm không trùng lặp với nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án, nhiệm vụ khác và các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí kinh phí chi thường xuyên hằng năm.

2. Định mức phân bổ vốn cho các các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp thành phố

Phần vốn ngân sách trung ương và ngân sách thành phố được phân bổ cho các sở ngành, cơ quan, đơn vị cấp thành phố để thực hiện nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Chương trình, các nhiệm vụ mang tính chất nền tảng, các nội dung, nhiệm vụ có quy mô cấp thành phố, liên ngành, liên xã, phường và các nhiệm vụ khác do cấp có thẩm quyền giao; Việc phân bổ được thực hiện chi tiết theo từng nội dung thành phần của Chương trình.

3. Định mức phân bổ vốn cho các địa phương

a) Sau khi phân bổ vốn cho các sở ngành, cơ quan, đơn vị cấp thành phố và bố trí kinh phí thực hiện các nội dung khác do cấp có thẩm quyền quyết định để bảo đảm hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, số vốn còn lại được phân bổ cho các địa phương theo nguyên tắc, tiêu chí, hệ số và phương pháp xác định điểm số phân bổ tại Điều 5 Nghị quyết này để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ, hoạt động của Chương trình trên địa bàn.

b) Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phân bổ chi tiết và điều chỉnh dự toán kinh phí sự nghiệp (ngân sách trung ương, ngân sách thành phố) hằng năm chi tiết theo từng nội dung, hoạt động, nhiệm vụ cụ thể của Chương trình trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương

Ngoài mức vốn đối ứng tối thiểu của ngân sách thành phố theo quy định tại khoản 2 Điều 7 và khoản 2 Điều 8 Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trong trường hợp cần thiết căn cứ khả năng cân đối ngân sách thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng phương án trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định bố trí thêm vốn đối ứng để ưu tiên thực hiện các dự án, nhiệm vụ, địa bàn trọng điểm nhằm hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, đảm bảo sử dụng nguồn vốn hiệu quả.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa XI, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và TCTHPL);
- Bộ Y tế, Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực V;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố (Công báo thành phố);
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH